TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 223/2019/HNGĐ-ST Ngày: 10/7/2019 Về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Dương Văn Siêng**.
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quí** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thanh L**, sinh năm: 1978 (có mặt);
Địa chỉ: Cư xá S, khu phố Th, phường 5, thành phố T, tỉnh Long An;

- *Bị đơn:* Anh **Trần Nguyên H**, sinh năm: 1980 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh H bắt đầu chung sống từ năm 2011, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T, tỉnh Long An. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, tụ tập sử dụng ma túy đá, khi lên cơn ngáo đá thì cầm cây, mã tấu rượt đuổi chị. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi nên chị và anh H đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 07/4/2014; hiện nay đang sống với anh H. Từ khi vợ chồng không còn chung sống thì anh H đã dẫn con Trần Quỳnh A đi theo. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Trần Nguyên H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2019 anh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian chung sống và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do chị L không chăm lo gia đình, chơi bời bên ngoài gây nợ nần, anh đã nhiều lần trả nợ cho chị L nhưng chị L vẫn không thay đổi nên anh đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở ấp H, xã Đ sống từ năm 2017 đến nay. Anh không có sử dụng ma túy đá như chị L đã khai với Tòa án. Với yêu cầu ly hôn của chị L anh đồng ý.

- Về con chung: Anh H thống nhất với trình bày của chị L về con chung, hiện cháu Trần Quỳnh A đang sống chung với anh. Ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không có thể hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh L yêu cầu ly hôn với anh Trần Nguyên H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Nguyên H có nơi cư trú tại ấp H, xã Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Trần Nguyên H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh H, xét thấy chị L và anh H chung sống được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh H xãy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Tại biên bản hòa giải ngày 09/5/2019 của Tòa án anh H thừa nhận là giữa anh và chị L đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Thấy rằng, giữa chị L và anh H không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 01 con chung chưa thành niên tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 07/4/2014. Chị L và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; …".

Chị L trình bày anh H là đối tượng nghiện ma túy nhưng chị L không có gì chứng minh lời trình bày của mình nên không có cơ sở để xem xét. Theo biên bản xác minh ngày 14/5/2019 của Tòa án đối với Công an xã Đ, kết quả anh H không thuộc đối tượng nghiện ma túy bị quản lý tại địa phương và công an xã cũng chưa nhận được tin báo hay thông tin gì về việc anh H có sử dụng ma túy. Tại phiên tòa, chị L thừa nhận cháu Trần Quỳnh A đã sống chung với anh H từ tháng 10/2018 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu A còn nhỏ và đang sống chung với anh H. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường cho cháu nên cần thiết giao cháu A cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh L, cho chị Phạm Thị Thanh L được ly hôn với anh Trần Nguyên H.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 07/4/2014 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lan phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 39851 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị L đã nộp xong tiền án phí.

Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND phường 5, thành phố T, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Bùi Thanh Phú